| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ VỊ THANH**<br>**TỈNH HẬU GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 115/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 5 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Huỳnh Xuân Tình.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Lý Thị Thu Thúy.

2. Bà Phạm Kim Ngọc.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Lý Sơn Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 95/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: ấp M, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp M, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày*: Bà và ông Đ tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang vào năm 2013. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, ông Đ thường ghen tuông vô cớ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ông bà đã cố hàn gắn nhưng không được. Do đó, nguyên đơn khởi kiện xin được ly hôn với ông Phan Văn Đ.

Về con chung: Có 02 con chung là Phan Ngọc Phương N (giới tính: Nữ)

sinh ngày 22/7/2013 và Phan Minh K (giới tính: Nam) sinh ngày 30/9/2018, bà yêu cầu được nuôi 02 con chung, yêu cầu cấp dưỡng mỗi con chung là 750.000 đồng/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Văn Đ trình bày: Không thống nhất ly hôn với bà T vì ông bà không mâu thuẫn trầm trọng, ông vẫn còn thương vợ con.

Về con chung: Có 02 con chung là Phan Ngọc Phương N (giới tính: Nữ) sinh ngày 22/7/2013 và Phan Minh K, (giới tính: Nam) sinh ngày 30/9/2018, thống nhất cho nguyên đơn được nuôi 02 con chung. Thống nhất cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con chung là 750.000 đồng/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Ngọc T vẫn giữ nguyên yêu cầu; ông Phan Văn Đ trình bày thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phan Văn Đ và yêu cầu được nuôi con chung, nên Tòa án xác định đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Phan Văn Đ cư trú tại ấp M, xã T, thành phố V, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Phan Văn Đ đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang vào năm 2013. Do đó, hôn nhân giữa bà T và ông Đ là hợp pháp. Bà T yêu cầu ly hôn với ông Đ là do vợ chồng bất đồng ý kiến và quan điểm sống. Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không trầm trọng, ông còn thương vợ, thương con và không muốn ly hôn. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và không thể nào hàn gắn được nên thống nhất ly hôn. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân giữa bà T và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, cho bà T ly hôn với ông Đ là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông Đ có 02 con chung là Phan Ngọc Phương N (giới tính: Nữ) sinh ngày 22/7/2013 và Phan Minh K (giới tính: Nam) sinh ngày 30/9/2018. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu

Phan Ngọc Phương N có nguyện vọng được sống chung với mẹ, được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Hiện nay, cháu Nghi và cháu Khang đều đang ở cùng mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ cũng thống nhất giao 02 con chung cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy giao cháu Phan Ngọc Phương N (giới tính: Nữ) sinh ngày 22/7/2013 và Phan Minh K (giới tính: Nam) sinh ngày 30/9/2018 cho bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo tốt nhất quyền lợi của các cháu và phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng: Bà T yêu cầu cấp dưỡng mỗi con chung là 750.000 đồng/tháng. Phương thức cấp dưỡng: cấp dưỡng hàng tháng, kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, ông Đ cũng thống nhất cấp dưỡng nuôi con chung như yêu cầu của bà T. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định tại Điều 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về tài sản chung: Bà T và ông Đ đều trình bày tự thỏa thuận và cũng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[8] Về nợ chung: Bà T và ông Đ đều trình bày không có và cũng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình và ông Đ phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147 và 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 53, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Phan Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung là Phan Ngọc Phương N (giới tính: Nữ) sinh ngày 22/7/2013 và Phan Minh K (giới tính: Nam) sinh ngày 30/9/2018 cho bà Nguyễn Thị Ngọc T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phan Văn Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở

3. Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ về việc cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi con chung là 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)/tháng.

Phương thức cấp dưỡng: Cấp định kỳ hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng: kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/5/2022) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Do chưa có yêu cầu nên chưa xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

5. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp theo biên lai số 0001132 ngày 05 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, bà Nguyễn Thị Ngọc T không phải nộp thêm.

- Ông Phan Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
-VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- UBND xã H, thành phố Vị Thanh;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Huỳnh Xuân Tình**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lý Thị Thu Thúy** **Phạm Kim Ngọc** **Huỳnh Xuân Tình**